TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HS-ST
Ngày 07 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuône
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Anh Đào
Ông Cao Hiền Tự
- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2018/HSST, ngày 07 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Thạch Đ, sinh năm 1994; tại huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tên gọi khác: Không có.

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch Đ1 và bà Tăng Thị H; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị khởi tố và bắt tạm giam từ ngày 17/4/2018 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Thạch Đ:* Bà Phạm Thị Thiên Phương – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh.

2. Thạch C, sinh năm 1994; tại huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tên gọi khác: Sa Vanh.

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch M và bà Thạch Thị H; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị khởi tố và bắt tạm giam từ ngày 17/4/2018 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Thạch C:* Bà Lục Khả Tú – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh.

3. Trầm T, sinh năm 1998; tại huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tên gọi khác: Không có.

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trầm Ngọc Đ và bà Kim Thị C; có vợ Thạch Thị T, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị khởi tố và bắt tạm giam từ ngày 17/4/2018 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Nhan Hoàng P, sinh ngày 30/4/1995; tại huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tên gọi khác: Không có.

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nhan Sô V và bà Thạch Thị Sa P; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị khởi tố và bắt tạm giam từ ngày 17/4/2018 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Trầm T và Nhan Hoàng P:* Bà Trần Thị Hợp – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh – Chi nhánh số 01 huyện Trà Cú.

5. Kim Ki N, sinh ngày 29/11/1994; tại huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tên gọi khác: Không có.

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp L, xã S, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kim C và bà Kim Thị Chane T; có vợ Trần Thị V, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị khởi tố và bắt tạm giam từ ngày 13/6/2018 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Kim Ki N:* Ông Nguyễn Tiến Lên – Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh.

- *Bị hại*: Anh Trần Văn H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Kim C, sinh năm 1970 (có mặt);

2. Bà Kim Thị Chane T, sinh năm 1971 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp L, xã S, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Thạch Thị H, sinh năm 1972 (có mặt);

4. Ông Thạch M, sinh năm 1966 (có mặt);

5. Bà Tăng Thị H, sinh năm 1969 (có mặt);

6. Bà Thạch Thị Sa P, sinh năm 1977 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Trần Q, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Anh Kim Ngọc T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người phiên dịch:* Ông Thạch Dân; địa chỉ khóm 7, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 13/11/2017, sau khi uống rượu tại quán của bà Diệp Thị Thu V, sinh năm 1976 nơi cư trú: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh xong, bị cáo C rủ các bị cáo Đ, Hoàng P và N cùng đi đến khu đất trống của ông Trầm B thuộc ấp Bến Bạ, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú để uống bia tiếp thì tất cả đồng ý.

Trên đường đi, bị cáo C điều khiển xe mô tô đến nhà bị cáo Trầm T, để rủ T đi uống bia chung, khi đến nơi C gặp T đang uống rượu tại nhà nên C điều khiển xe mô tô đi trước. Khi đến ấp Bến Bạ, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, bị cáo C điều khiển xe mô tô chở N đi mua thức ăn và 01 thùng bia Sài Gòn rồi về cùng với Đ, Hoàng P uống bia tại gốc cây, cách nhà kho bỏ hoang của ông B khoảng 30m. Trong lúc đang ngồi uống bia thì Trần Q (là anh em bà con của bị cáo Trầm T) điều khiển xe mô tô biển số: 84G1 – 277.20 của Q chở T đến và cùng vào uống bia chung.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, thì tất cả những người trên đã uống hết bia, mọi người lên xe về nhà nhưng đi được một đoạn khoảng 20m thì dừng lại. Lúc này, bị cáo Đ nhìn thấy Tạ Minh D chở Trần Văn H và Trần L đi ngang cách chổ bị cáo Đ đang đứng khoảng từ 03 đến 04 mét nên bị cáo Đ hỏi: "D *mày đi Sài Gòn về hả, có chổ cho xin làm với*" nhưng Tạ Minh D không nghe rõ nên không trả lời mà tiếp tục điều khiển xe mô tô chở H, L về hướng nhà kho bỏ hoang của ông B, để xe bên ngoài và cả 03 người đi vào bên trong nhà. Riêng bị cáo Đ thì do hỏi mà Minh D không trả lời nên đã nảy sinh ý định rủ những người bạn uống bia chung cùng đánh D. Sau đó, bị cáo Đ nói với nhóm bạn của Đ là *"tụi mình đi đánh mấy thằng vô nhà ông B đập đá (sử dụng ma túy) để cảnh cáo"*, sau khi nghe bị cáo Đ rủ thì các bị cáo P, T, C và Ki N đồng ý.

Sau đó các bị cáo Đ, P, C, N và T đi về hướng nhà kho bỏ hoang của ông B. Khi đến trước cửa nhà kho, bị cáo N không đi vào bên trong để tham gia đánh mà đứng chờ bên ngoài và mở cốp xe của mình lấy một cây côn nhị khúc làm bằng gỗ, chiều dài mỗi đoạn 27cm, đường kính lớn nhất 3,5cm, nhỏ nhất 2,5cm, giữa hai đoạn côn nối sợi dây dù màu xanh, cầm trên tay với mục đích để hỗ trợ cho các bạn của mình vào bên trong đánh nhau và nếu ai đến đánh mình thì bị cáo dùng côn đánh trả lại.

Khi bị cáo Đ, P, C và T vào bên trong nhà kho của ông B thì gặp D. Bị cáo Đ không nói gì mà dùng tay phải đánh D 01 cái vào vùng cổ nhưng không gây thương tích, D bỏ chạy thì bị C chạy tới dùng tay phải nắm áo để đánh nhưng chưa kịp đánh thì D vung tay bỏ chạy ra ngoài, bị cáo C rượt theo D, thấy bị cáo C rượt D nên bị cáo N cũng cùng bị cáo C đuổi rượt (chạy bộ) theo D một đoạn khoảng 05m nhưng không kịp, cả hai quay trở lại. Nhìn thấy D bị đánh, L bỏ chạy ra ngoài nên không bị đánh. Riêng H chưa kịp chạy thì bị P đi đến đứng đối diện dùng tay phải đánh 02 đến 03 cái trúng vào vùng mặt, vùng cổ. Bị cáo T đứng phía sau lưng dùng hai tay đánh 05 đến 06 cái trúng vào vùng cổ, vùng vai của H. Bị cáo Đ đứng đối diện, dùng 02 tay đánh từ 03 đến 04 cái trúng vào vùng ngực và vùng lưng của H.

Do bị nhiều người đánh nên H bỏ chạy ra phía bên ngoài theo hướng mé Sông Hậu. Thấy vậy, bị cáo C sử dụng xe mô tô biển số: 84G1 – 277.20 của Q

đang đậu, chở T rượt đuổi đánh H; Riêng bị cáo Đ chạy đến chỗ bị cáo N và bị cáo N biết rõ Đ đang rượt đánh H nên đã đưa cây côn cho bị cáo Đ cầm, rồi điều khiển xe mô tô biển số: 84G1 – 273.49 chở bị cáo Đ rượt đuổi đánh H; còn bị cáo P một mình chạy xe đạp theo sau.

Khi chạy theo khoảng 200m thì đuổi kịp H, bị cáo C chạy xe tới chặn phía trước H đang chạy bộ, bị cáo T xuống xe, chạy đến phía sau lưng của H, dùng tay phải đánh trúng vào vùng mặt, vùng lưng của H khoảng 03 đến 04 cái, tiếp theo dùng chân phải đá từ 02 đến 03 cái trúng vào chân trái của H; bị cáo C đậu xe lại, chạy đến đứng đối diện với H dùng tay trái đánh trúng vào vùng mặt 02 cái, dùng tay phải đánh trúng vào vùng mặt 01 cái. Bị cáo Ki N chạy xe mô tô chở bị cáo Đ đến, bị cáo Đ xuống xe, cũng chạy đến đứng phía sau lưng của H, dùng 02 tay đánh trúng vào vùng ngực, vùng lưng của H 02 cái, rồi đi ra phía trước đứng đối diện với H dùng 02 tay đánh trúng vào vùng mặt 02 cái, trúng vào vùng ngực 02 cái; Bị cáo N thì đứng ngoài không tham gia vào đánh H. Sau đó, H dùng hai tay ôm đầu và nói "*làm gì đánh tôi*", do bị nhiều người cùng vào đánh nên H ngồi xuống tiếp tục ôm đầu.

Không dừng lại, bị cáo C tiếp tục dùng chân trái đạp 02 cái trúng vào vùng lưng làm H té ngã nằm úp mặt xuống nền bê tông có nhiều đá dâm. Khi H đang tư thế nằm, bị cáo P đi đến khom người dùng tay phải đánh theo hướng từ trên xuống trúng vào vùng mặt, vùng đầu của H từ 02 đến 03 cái và dùng chân đá 02 đến 03 cái trúng vào vùng mặt, vùng cổ của H. Còn bị cáo Đ thì dùng cây côn cầm bằng tay phải đánh trúng vào lưng, hông, chân của H khoảng 03 đến 04 cái. Nhìn thấy H bị thương và chảy nhiều máu nên bị cáo Đ, bị cáo N kêu các bị cáo khác nghĩ đánh và cùng lên xe rời khỏi hiện trường. Riêng H thì nằm bất tỉnh tại chỗ, sau đó được Tạ Minh D đến đưa về nhà và gia đình đưa đi cấp cứu.

Theo giấy chứng nhận thương tích số: 470/CN ngày 21/11/2017 của Bệnh viện đa khoa huyện Trà Cú, ghi nhận tình trạng thương tích của Trần Văn H lúc vào viện như sau: Vết thương vùng đỉnh thái dương trái dài 02cm trên nền phù nề kích thước (KT): 07 x 07cm; phù nề vùng chẩm KT: 05 x 05cm, phù nề xây sát da vùng đỉnh thái dương phải KT: 05 x 05cm; phù nề tụ máu dưới da vùng trán trái KT: 07 x 04cm, phù nề rải rác vùng trán phải; vết thương dưới cung mài phải dài 02cm sâu 01cm, vết thương cung mài trái dài 02cm; vết thương gò má trái dài 02cm, phù nề sóng mũi chảy máu mũi đã cầm; vết thương cằm KT: 04 x 04cm, xây sát da rải rác vùng ngực trái; vết thương cánh mũi phải dài 01cm, phù nề cơ Delta trái KT: 07 x 03cm; phù nề vùng cột sống lưng KT: 15 x 04cm, phù nề hông lưng phải KT: 10 x 04cm; phù nề vùng lưng trái KT: 06 x 04cm.

Theo Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số: 137/TgT ngày 12/01/2018 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Trà Vinh, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Trần Văn Hường là 41% (bốn mươi mốt phần trăm).

Theo Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số: 25/TgT ngày 21/02/2018 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Trà Vinh, kết luận: Cơ chế hình thành vết thương của Trần Văn H là do ngoại lực tác động trực tiếp, vật gây ra các thương tích là vật tày cứng và vật cứng có cạnh.

Tại Bản cáo trạng số 49/CT-VKSTC ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh truy tố các bị cáo Thạch Đ, Trầm

T, Thạch C, Nhan Hoàng P và Kim Ki N về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017 (sau đây gọi là Bộ luật hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Thạch Đ, Trầm T, Thạch C, Nhan Hoàng P và Kim Ki N phạm tội : "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, đồng thời đề nghị;

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Thạch Đ từ 06 đến 07 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Thạch C từ 04 đến 04 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Trầm T từ 04 đến 04 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Nhan Hoàng P từ 04 đến 04 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Kim Ki N từ 03 đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại Trần Văn H yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 30.000.000 đồng. Vào ngày 05/02/2018, bà Thạch Thị H, là mẹ ruột của bị cáo C đứng ra đại diện cho các bị cáo Đ, T, P khắc phục hậu quả cho bị hại H số tiền 30.000.000 đông. Ngoài ra, ông Kim C là cha của bị cáo N có khắc phục thêm cho bị hại H số tiền là 5.000.000 đồng; tại phiên tòa bị hại Trần Văn H yêu cầu các bị cáo Thạch Đ, Trầm T, Thạch C, Nhan Hoàng P, Kim Ki N bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần mỗi bị cáo 3.000.000 đồng; các bị cáo Đ, T, C, P và N đồng ý theo yêu cầu của bị hại, nhận thấy thoả thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Về vật chứng có liên quan trong vụ án: Ngày 18/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả các phương tiện cho chủ sở hữu nhận lại để quản lý gồm: 01 chiếc xe mô tô biển số: 84G1 – 277.20, nhãn hiệu ESPERO, màu xanh trắng, số máy VDEJQ152FMHB174224, số khung RPEXCH8PEEA174224 cho Trần Q; 01 chiếc xe mô tô biển số: 84G1 – 273.49, loại EXCITER, màu xanh trắng, số máy 55P1469350, số khung RLCE55P10EY469334 cho bà Kim Thị Chane T; 01 chiếc xe đạp, loại sườn đầm, không hiệu, màu vàng bạc cho bà Thạch Thị H.

Riêng 01 cây côn nhị khúc làm bằng gỗ, chiều dài mỗi đoạn 27cm, đường kính lớn nhất 3,5cm, nhỏ nhất 2,5cm, giữa hai đoạn côn nối sợi dây dù màu xanh là là công cụ liên quan đến việc phạm tôi, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tich thu tiêu hủy.

Tại phần tranh luận các bị cáo Thạch Đ, Trầm T, Thạch C, Nhan Hoàng P và Kim Ki N không có ý kiến tranh luận;

Vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Thạch Đ thống nhất với cáo trạng và lời luận tội của Vị đại Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú đã đề nghị đối với bị cáo. Tuy nhiên, Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Về nguyên nhân dẫn đến sự việc, do xuất phát từ việc bị cáo nghi ngờ D (bạn của bị hại) khinh thường mình và trong người đã sử dụng nhiều rượu bia, không kiềm chế được bản thân nên nhất thời phạm tội; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cãi, đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại cũng đã có đơn xin bãi nại, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số, sống tại địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xuất thân từ thành phần lao động nghèo, trình độ học vấn thấp nên việc nhận thức pháp luật còn hạn chế là lao động chính trong gia đình. Từ đó, Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất của khung hình phạt; về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng; về án phí đề nghị Hội đồng xét xử miễm án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Thạch C thống nhất với cáo trạng và lời luận tội của Vị đại Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú đã đề nghị đối với bị cáo. Tuy nhiên, Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Cường đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại đã có đơn xin bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có người thân là người có công với cách mạng, là người dân tộc thiểu số, sống tại địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên việc tiếp cận pháp luật còn hạn chế. Từ đó, vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo so với mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị; về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng; về án phí đề nghị miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo Trầm T và Nhan Hoàng P cũng thống nhất với cáo trạng và lời luận tội của Vị đại Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú đã đề nghị đối với các bị cáo. Tuy nhiên, Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc các bị cáo phạm tội xuất phát từ việc nhận thức pháp luật còn hạn chế, trong người đã có sử dụng rượu, bia không kiềm chế được bản thân nên nhất thời phạm tội. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo T và bị cáo P đều đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cãi về hành vi của mình, bị cáo T đã tự nguyện, bị cáo P đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại đã có đơn xin bãi nại, chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, có người thân là người có công với cách mạng, là người dân tộc thiểu số, sống tại địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên việc tiếp cận pháp luật còn hạn chế. Từ đó, vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự

năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo so với mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự và án phí thì thống nhất với quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Vị Luật sư bào chữa cho bị cáo Kim Ki N cho rằng: Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú đã truy tố bị cáo N đồng phạm về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 với vai trò giúp sức trong vụ án đồng phạm là chưa đủ căn cứ. Bởi vì, đây là vụ án đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò giữa các bị cáo, mặc dù bị cáo N có sử dụng xe chở bị cáo Đ đuổi đánh bị hại, nhưng bị cáo N không có tham gia đánh bị hại; việc bị cáo Đ sử dụng côn của bị cáo N đánh bị hại là nằm ngoài kiểm soát của bị cáo N, cây côn do bị cáo Đ tự lấy. Từ các căn cứ trên, Vị đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Kim Ki N không phạm tội.

Bị hại Trần Văn H, yêu cầu các bị cáo Thạch Đ, Trầm T, Thạch C, Nhan Hoàng P, Kim Ki N bồi thường tiền tổn thất tinh thần mỗi bị cáo 3.000.000 đồng, tổng cộng 05 bị cáo là 15.000.000 đồng. Đồng thời, bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại lời nói sau cùng các bị cáo đều nhận thấy hành vi phạm tội của mình là sai, các bị cáo rất ăn năn hối hận, các bị cáo xin lỗi bị hại và mong Hội đồng xét xử xem xét cho giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Thạch Đ, Trầm T, Thạch C, Nhan Hoàng P và Kim Ki N đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng đã mô tả, lời khai này là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 18 giờ 10 phút ngày 13/11/2017, tại ấp Bến Bạ, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, các bị cáo Thạch Đ, Trầm T, Thạch C, Nhan Hoàng P và Kim Ki N. Mặc dù, không quen biết, không có mâu thuẫn với bị hại Trần Văn H nhưng, các bị cáo Đ, T, C và P đã có hành vi dùng tay, chân để đánh, đá liên tiếp; bị cáo Đ còn sử dụng côn đánh gây thương tích cho bị hại Trần Văn H với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 41% (bốn mươi mốt phần trăm). Riêng bị cáo Kim Ki N, đã có hành vi giúp sức bằng việc sử dụng phương tiện (xe mô tô), công cụ (côn) và hỗ trợ về mặt tinh thần để cho các bị cáo Đ, T, C và P đánh gây thương tích cho Trần Văn H. Hành vi của các bị cáo Thạch Đ, Trầm T, Thạch C, Nhan Hoàng P và Kim Ki N đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Thấy rằng, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định của pháp luật, các bị cáo và những người tham

gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến phản đối nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo xét thấy: Về tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, các bị cáo Thạch Đ, Trầm T, Thạch C, Nhan Hoàng P và Kim Ki N đều là những người có đầy đủ năng lực và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, có tính chất côn đồ, thực hiện hành vi phạm tội có tính đồng phạm (đồng phạm giản đơn). Trong đó, bị cáo Đ vừa là người chủ mưu, rũ rê, lôi kéo các bị cáo khác vừa là người trực tiếp cùng với các bị cáo C, T và P dùng tay, chân và côn đánh nhiều cái vào người của bị hại; đối với các bị cáo Trầm T, Thạch C, Nhan Hoàng P là những người trực tiếp dùng tay, chân để đánh, đá nhiều cái gây thương tích cho bị hại; đối với bị cáo N, mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bị hại, nhưng sau khi được bị cáo Đ rủ đánh nhóm bị hại thì bị cáo đồng ý, bị cáo đã cùng các bị cáo khác đến hiện trường, tại hiện trường bị cáo lấy cây côn ra thủ để hỗ trợ cho đồng bọn, khi bị hại bỏ chạy, bị cáo đã dùng xe mô tô chở bị cáo Đ để đuổi đánh bị hại. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung trên tổng tỉ lệ thương tật của bị hại là 41%. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương và xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử cần xét xử các bị cáo thật nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo và cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài nhất định mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Thạch Đ, Trầm T, Thạch C, Nhan Hoàng P và Kim Ki N đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi của mình; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Đ, T, C, P và N đều đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo phù hợp theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Mặt khác, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Đ, T, C, P và N đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đều chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, có người thân là người có công với cách mạng, là người dân tộc thiểu số, sống tại địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế. Quá trình điều tra, bị hại đã có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và tại phiên tòa bị hại cũng tha thiết xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Đ là lao động chính trong gia đình đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, đối với các bị cáo T, P và C. Mặc dù có trực tiếp dùng tay đánh, dùng chân đạp bị hại nhưng hành vi của các bị cáo gây ra thương tích cho bị hại không đáng kể nên cần thiết áp dụng khoản 1 Điều 54 luật hình sự năm 2015 để xem xét cho các bị cáo được hưởng một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo; đối với bị cáo N, mặc dù bị cáo có hành vi giúp sức các bị cáo khác nhưng hành vi này có tính chất không đáng kể nên Hội đồng xét xử cần thiết áp dụng khoản 2 Điều 54 luật hình sự năm 2015 để xem xét

cho bị cáo được hưởng một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, giữa các bị cáo Thạch Đ, Trầm T, Thạch C, Nhan Hoàng P, Kim Ki N và bị hại Trần Văn H đã tự thỏa thuận, khắc phục hậu quả số tiền 35.000.000 đồng; tại phiên tòa bị hại Trần Văn H yêu cầu các bị cáo Thạch Đ, Trầm T, Thạch C, Nhan Hoàng P, Kim Ki N bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần mỗi bị cáo 3.000.000 đồng, tổng cộng 15.000.0000 đồng; các bị cáo Đ, T, C, Phong và N đồng ý theo yêu cầu của bị hại. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại, việc thoả thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Vật chứng vụ án: 01 cây côn nhị khúc làm bằng gỗ, chiều dài mỗi đoạn 27cm, đường kính lớn nhất 3,5cm, nhỏ nhất 2,5cm, giữa hai đoạn côn nối sợi dây dù màu xanh là công cụ liên quan đến việc phạm tôi, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Xét quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự và về vật chứng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, về mức hình phạt mà Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với từng bị cáo là tương đối cao, chưa xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho từng bị cáo.

[7] Xét quan điểm Vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Thạch Đ, là có căn cứ chấp nhận một phần. Riêng đối với quan điểm Vị trợ giúp viên pháp lý đề nghi áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Thạch Đ là chưa đủ căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, mặc dù bị cáo Đ có 02 (hai) tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, nhưng trong vụ án này bị cáo Đ giữ vai trò vừa là người rũ rê, lôi kéo các bị cáo khác vừa là người tích cực nhất trong việc gây thương tích cho bị hại.

[8] Xét quan điểm Vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Thạch C là có căn cứ chấp nhận.

[9] Xét quan điểm Vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo Trầm T và Nhan Hoàng P là có căn cứ chấp nhận.

[10] Xét quan điểm của Vị luật sư bào chữa cho bị cáo Kim Ki N là không có căn cứ. Bởi lẽ, ngoài lời trình bày suy luận của mình, Vị luật sư không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho hành vi của bị cáo N là không phạm tội. Mặt khác, tại phiên tòa bị cáo N đã khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng đã mô tả, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo N trong quá trình điều tra, bị cáo không có khiếu nại về nội dung cáo trạng mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo Thạch Đ, Trầm T, Thạch C, Nhan Hoàng P và Kim Ki N đều là người dân tộc thiểu số (dân tộc Khmer), sống tại địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Thạch Đ, Trầm T, Thạch C, Nhan Hoàng P và Kim Ki N phạm tội : "*Cố ý gây thương tích*".

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 260; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Thạch Đ 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2018.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 260; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Thạch C 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2018.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 260; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Trầm T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2018.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 260; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nhan Hoàng P 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2018.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 47, khoản 2 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106; Điều 260; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Kim Ki N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhân sự thỏa thuận giữa các bị cáo Thạch Đ, Trầm T, Thạch C, Nhan Hoàng P và Kim Ki N đồng ý bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho bị hại Trần Văn H mỗi bị cáo bằng 3.000.000 đồng.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 cây côn nhị khúc làm bằng gỗ, chiều dài mỗi đoạn 27cm, đường kính lớn nhất 3,5cm, nhỏ nhất 2,5cm, giữa hai đoạn côn nối sợi dây dù màu xanh.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo Thạch Đ, Trầm T, Thạch C, Nhan Hoàng P và Kim Ki N.

Các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Công an huyện Trà Cú;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Thuône